

BAN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 240 VÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 240 KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 240

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 240**

Địa chỉ: Km 10 QL5, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP Hà Nội

Điện thoại: (83 21) 3987386

Fax: (83.21) 3987386

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Trụ sở chính: Tầng 1, TT Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3818 1888

Fax: (84-4) 3818 1688

Chi nhánh Tp.HCM: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn
Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3915 1368

Fax: (84-8) 3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng: 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 3525 777

Fax: (84-511) 3525 779



Biên cơ hội thành giá trị

Tháng 09 năm 2013

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU	4
1. Tổ chức phát hành	4
2. Cổ phần chào bán đấu giá.....	4
3. Công bố thông tin về tổ chức đăng ký mua cổ phần	5
4. Tổ chức phiên đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc.....	6
5. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI	6
II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH.....	7
III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	8
IV. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN .	9
V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	10
1. Thông tin khái quát về doanh nghiệp cổ phần hóa	10
2. Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa	10
3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty	12
4. Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu	13
5. Tình hình lao động chuyển sang công ty cổ phần	14
6. Giá trị của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2012	15
7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	16
8. Danh sách những Công ty Mẹ, Công ty con của doanh nghiệp cổ phần hóa	19
9. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa	19
10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	28
VI. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HOÁ ...	31
1. Tên Công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh	31
2. Phương án cơ cấu lại doanh nghiệp khi chuyển sang công ty cổ phần	32
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi thực hiện cổ phần hoá.....	39
4. Chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa	44
5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần	44
VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN	45
VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HOÁ.....	46

IX. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	47
1. Rủi ro về nền kinh tế	47
2. Rủi ro về luật pháp	49
3. Rủi ro đặc thù	49
4. Rủi ro của đợt chào bán	50
5. Các rủi ro khác.....	50
X. THAY LỜI KẾT	51

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

1. Tổ chức phát hành

– Tên Công ty	: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 240
– Địa chỉ	: Km 10 QL5, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP Hà Nội.
– Điện thoại	: 03213.987.386
– Fax	: 03213.987.386
– Vốn điều lệ Công ty cổ phần	: 20.700.000.000 đồng
– Mệnh giá cổ phần	: 10.000 đồng/cổ phần
– Tổng số lượng cổ phần	: 2.070.000 cổ phần

Trong đó

❖ <i>Cổ phần nhà nước</i>	: <i>1.495.350 cổ phần, chiếm 72,24% vốn điều lệ</i>
❖ <i>Cổ phần ưu đãi bán cho người lao động</i>	: <i>160.650 cổ phần, chiếm 7,76% vốn điều lệ</i>
❖ <i>Các nhà đầu tư qua đấu giá</i>	: <i>414.000 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ</i>

2. Cổ phần chào bán đấu giá

– Số lượng cổ phần chào bán đấu giá	: 414.000 cổ phần, bằng 20% vốn điều lệ
– Loại cổ phần chào bán	: Cổ phần phổ thông
– Hình thức chào bán	: Chào bán cổ phần lần đầu của Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước cổ phần hoá theo phương thức đấu giá qua tổ chức trung gian
– Phương thức đấu giá	: Đấu giá qua tổ chức tài chính trung gian có sự cạnh tranh về giá
– Giá khởi điểm bán đấu giá	: 10.000 đồng/cổ phần
– Đặt cọc	: Bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
– Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối thiểu	: 100 cổ phần
– Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối đa	: 414.000 cổ phần

3. Công bố thông tin về tổ chức đăng ký mua cổ phần

3.1 Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin, nhận đăng ký tham gia đấu giá, nhận tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá, nhận phiếu tham dự đấu giá:

Theo quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 240 do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội ban hành.

3.2 Thời gian nộp đơn đăng ký tham dự đấu giá, nộp tiền cọc và nhận phiếu đấu giá:

Theo thời gian được ghi tại Quy chế đấu giá.

3.3 Điều kiện đăng ký tham dự đấu giá

- (1) Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu và nộp đúng thời hạn theo quy định.
- (2) Nộp đủ tiền đặt cọc là 10% tổng giá trị cổ phần đăng ký tính theo giá khởi điểm trong thời hạn đăng ký như quy định.
- (3) Đảm bảo đủ điều kiện tham gia đầu tư, đấu giá mua cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển Công ty 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần; Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- (4) Có các giấy tờ liên quan khác:

 *Đối với cá nhân trong nước:*

- Xuất trình CMND, giấy tờ tùy thân hợp lệ để tiến hành đối chiếu.
- Khai địa chỉ cụ thể, chính xác và rõ ràng.

 *Đối với tổ chức trong nước:*

- Nếu người Đại diện theo pháp luật không đăng ký trực tiếp thì phải có Giấy ủy quyền hợp lệ do người Đại diện theo pháp luật của tổ chức ủy quyền cho người đăng ký tham dự. Người được ủy quyền phải mang theo CMND hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ khi đăng ký tham dự đấu giá.
- Bản sao được chứng thực, công chứng hợp lệ văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức đó (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định thành lập...)

 *Đối với cá nhân, tổ chức nước ngoài:*

- Bản sao Hộ chiếu/CMND (trường hợp ủy quyền đấu giá cho người Việt Nam).
- Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu có).
- Xuất trình giấy mở tài khoản tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động

trên lãnh thổ Việt Nam.

- Đối với tổ chức: Ngoài các hồ sơ trên, cần có thêm Bản sao được chứng thực, công chứng hợp lệ văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập...), Công văn ủy quyền hợp lệ cho người đại diện tổ chức đó tham dự đấu giá (trong trường hợp đây không phải là người đại diện pháp lý của tổ chức đó).

3.4 Quy định về nộp tiền đặt cọc và tiền mua cổ phần:

Nhà đầu tư có thể nộp tiền mặt tại các địa điểm đăng ký tham dự đấu giá hoặc chuyển khoản vào các tài khoản của các đại lý đấu giá được công bố trong quy chế đấu giá

3.5 Giới hạn về số lượng cổ phần đăng ký tham dự đấu giá:

- **Đối với nhà đầu tư trong nước:** Mỗi nhà đầu tư được phép mua với khối lượng tối thiểu 100 cổ phần và tối đa bằng tổng số lượng cổ phần chào bán là **414.000** cổ phần.
- **Đối với nhà đầu tư nước ngoài:** Mỗi nhà đầu tư được phép mua với khối lượng tối thiểu 100 cổ phần và tối đa bằng tổng số lượng cổ phần chào bán là **414.000** cổ phần.

4. Tổ chức phiên đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc

❖ **Thời gian tổ chức buổi đấu giá:** Theo thời gian được quy định tại **Quy chế đấu giá**.

❖ **Địa điểm tổ chức bán đấu giá cổ phần:**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 3, TT Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hà Nội

Điện thoại: (84- 4) 38181888 Fax: (84-4) 8181688

❖ **Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc:**

- Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần: Theo quy định tại **Quy chế đấu giá**.
- Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần: Nhà đầu tư có thể nộp tiền mặt tại các địa điểm đăng ký tham dự đấu giá hoặc chuyển khoản vào các tài khoản ngân hàng được công bố trong quy chế đấu giá.
- Thời gian hoàn trả tiền đặt cọc: Theo quy định tại **Quy chế đấu giá**.
- Địa điểm: Tại các địa điểm đã đăng ký tham dự đấu giá.

5. Tổ chức tư vấn: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 3 - TT Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hà Nội

Số điện thoại: 04. 3818 1888 Fax: 04. 3818 1688

Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng:

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng

Số điện thoại: 0511. 3525 777 Fax: 0511. 3523 779

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 - 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. HCM

Số điện thoại: 08. 3915 1368 Fax: 08. 3915 1369

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển Công ty 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Căn cứ Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 2418/QĐ-BGTVT ngày 03/10/2012 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa;
- Quyết định số 2484/QĐ-BGTVT ngày 09/10/2012 của Bộ Giao thông vận tải về việc thành lập ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Đầu tư xây dựng công trình giao thông 240 thuộc Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1;
- Quyết định số 0474/QĐ-BCĐCPH-TCT ngày 24/10/2012 của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 về việc thành lập Tổ giúp việc cho ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Đầu tư xây dựng công trình giao thông 240;
- Căn cứ Quyết định số 1593/QĐ-BGTVT ngày 11/6/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 240 để chuyển đổi thành công ty cổ phần.
- Quyết định số 2669/QĐ-BGTVT ngày 04/09/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 240 thành công ty cổ phần;

- Căn cứ Hợp đồng số 1203/2013/SHS-HĐTV ngày 12/9/2013 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội với Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 240 về dịch vụ tư vấn bán đấu giá cổ phần;
- Và các văn bản pháp lý khác liên quan.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hoá:

- **Ông Phạm Dũng**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty XDCT giao thông 1 - Trưởng ban

Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hoá và Tổ chức tư vấn lập đã được Ban chỉ đạo cổ phần hoá thông qua.

2. Doanh nghiệp cổ phần hoá: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 240

- **Ông Trần Đình Trọng**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

- **Ông Phạm Đức Hoàng**

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là phù hợp với thực tế chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 240 trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

3. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

- **Ông Vũ Đức Tiến**

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 08/2013/UQ-TGD ngày 02/03/2012 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)

Bản Công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 240. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 240 cung cấp.

IV. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản công bố thông tin:

- Công ty : Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 240
- Doanh nghiệp cổ phần hóa : Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 240
- Bộ GTVT : Bộ Giao thông Vận tải
- SHS : Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội
- Tổ chức tư vấn : Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên

V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin khái quát về doanh nghiệp cổ phần hóa

- **Thông tin khái quát**

- Tên doanh nghiệp: **Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 240**
- Địa chỉ: Km 10 QL5, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
- Điện thoại: 03213.987.386
- Fax: 03213.987.386
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp nhà nước: Số 0100104718 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2010, thay đổi lần thứ 1 ngày 19/9/2011
- Sản phẩm dịch vụ chủ yếu: Quản lý và bảo dưỡng đường bộ, xây dựng công trình giao thông, Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng

- **Lịch sử hình thành và phát triển**

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 240 tiền thân là Phân khu quản lý đường bộ 240 được thành lập ngày 03 tháng 06 năm 1992 theo Quyết định số: 936/QĐ/TCCB-LĐ về việc thành lập Phân khu quản lý đường bộ 240 trên cơ sở chia tách từ Phân khu quản lý đường bộ 230 thuộc Khu quản lý đường bộ II.

Năm 1998, Công ty quản lý và sửa chữa đường bộ 240 được thành lập theo Quyết định số 471/1998/QĐ/TCCB - LĐ ngày 25 tháng 3 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ GTVT trên cơ sở chuyển đổi từ Phân khu quản lý đường bộ 240.

Năm 2009, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 240 được thành lập theo Quyết định số 3663/QĐ-BGTVT ngày 08/12/2009 của Bộ Giao thông vận tải Quyết định về việc chuyển Công ty Quản lý và sửa chữa đường bộ 240 công ty Nhà nước thuộc Cục Đường bộ Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên. Đến tháng 10 năm 2012, Công ty được chuyển sang Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1 theo Quyết định số 1740/QĐ-BGTVT ngày 25/7/2012 của Bộ GTVT.

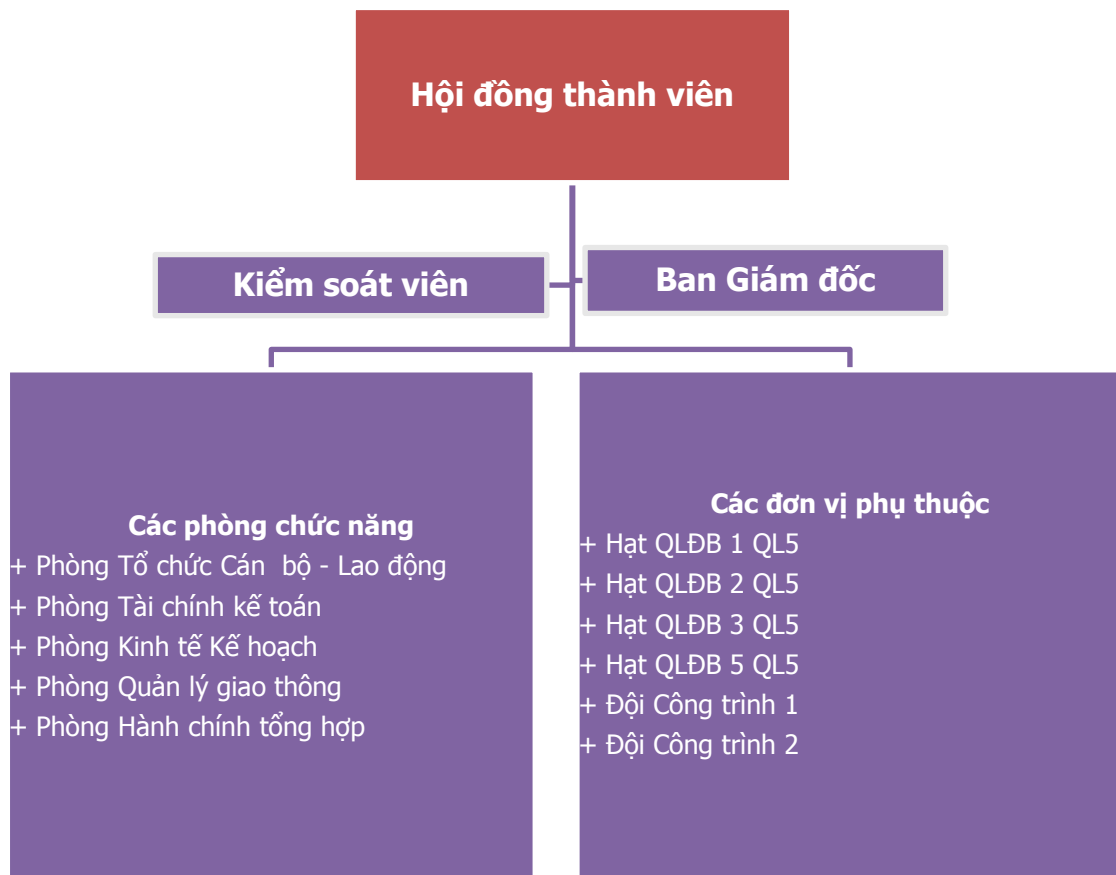
2. Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104718 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 19/9/2011, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

- Vệ sinh nhà cửa và các công trình: vệ sinh bề bơi hoặc bảo dưỡng; vệ sinh máy móc công nghiệp; vệ sinh tàu hỏa, xe buýt máy bay...; vệ sinh đường xá; quét đường và cào tuyết; (không bao gồm hoạt động xông hơi khử trùng);
- Vệ sinh chung nhà cửa (không bao gồm hoạt động xông hơi khử trùng);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Phá dỡ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh: bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm): Bán buôn hoa và cây;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).

3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty



- Cơ cấu tổ chức quản lý công ty bao gồm:
 - ✓ Hội đồng thành viên: 4 người, Chủ tịch và 3 thành viên
 - ✓ Kiểm soát viên
 - ✓ Giám đốc
- Bộ máy giúp việc: 02 phó giám đốc, kế toán trưởng và 01 kiểm soát viên không chuyên trách và 05 phòng chức năng chuyên môn, nghiệp vụ. Các phòng chức năng có nhiệm vụ:
 - ✓ Tham mưu cho lãnh đạo công ty theo chức năng được Hội đồng thành viên Công ty qui định.
 - ✓ Xây dựng, tổ chức thực hiện hệ thống quản lý chức năng.
 - ✓ Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các Chi nhánh trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
 - ✓ Tổ chức hoạt động kinh doanh các lĩnh vực được phân công.
- Công ty có 06 đơn vị phụ thuộc có chức năng, nhiệm vụ:

- ✓ Tổ chức các hoạt động kinh doanh – phục vụ theo ngành nghề đăng ký kinh doanh trên địa bàn được phân công.
- ✓ Ổn định và phát triển thị trường trên địa bàn và ngoài địa bàn.
- ✓ Thực hiện hoàn thành nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch công ty giao.
- ✓ Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực được giao, tạo việc làm ổn định và tăng thu nhập cho người lao động.

4. Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu

Là một đơn vị duy tu, bảo dưỡng và thi công công trình giao thông phục vụ cho nhu cầu phát triển hạ tầng xã hội, sản phẩm hàng hóa – dịch vụ chủ yếu của Công ty gồm:

- a. ***Quản lý, bảo trì cầu đường bộ:*** Hàng năm Công ty ký hợp đồng với Khu Quản lý đường bộ II về việc thực hiện công tác quản lý, bảo trì các đoạn tuyến Quốc lộ cụ thể như:
 - Quốc lộ 5: Thực hiện công tác quản lý, bảo trì và đảm bảo giao thông từ Km 11+136-Km 92+460 dài 81,325 Km là đường cấp 1 đồng bằng có tốc độ xe chạy cao và mật độ xe đông từ 30-40 nghìn xe/ngày đêm, giá trị hợp đồng thực hiện hàng năm là 11-13 tỷ đồng.
 - Quốc lộ 38 B thực hiện công tác quản lý, bảo trì và đảm bảo giao thông từ Km 19+950-Km 37+640 dài 17,69 km là đường cấp 3 đồng bằng, giá trị hợp đồng thực hiện hàng năm là 1 tỷ đồng. Thi công xây nền mặt đường các loại
- b. ***Xây dựng và cải tạo, sửa chữa cầu đường:*** do do Khu QLDB II và Tổng cục đường bộ Việt nam làm chủ đầu tư với sản lượng hàng năm đạt từ 25 -30 tỷ đồng.
- c. ***Đấu thầu và thi công các công trình trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông đường bộ:*** với sản lượng hàng năm là 10- 15 tỷ đồng. Hình thức triển khai thực hiện các hợp đồng và dự án xây dựng của Công ty là: sau khi ký kết hợp đồng với bên A, Công ty tiến hành chỉ định và giao việc cho các đơn vị Đội, Hạt có đủ năng lực thi công, Công ty tạo điều kiện tốt nhất về thiết bị, máy thi công cũng như điều kiện vốn để các đơn vị thi công đảm bảo tiến độ. Công tác nghiệm thu thanh toán được thực hiện trên cơ sở chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán và chi phí quản lý dự án theo quy định.
- d. ***Đảm bảo giao thông, khắc phục, sửa chữa công trình giao thông:*** do các sự cố thiên tai và tai nạn giao thông gây ra...

5. Tình hình lao động chuyển sang công ty cổ phần

5.1. Thu nhập CBCNV

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	Tổng quỹ lương (đồng)	7.880.191.000	7.871.365.000	9.895.854.289
2	Tổng số lao động (người)	323	344	311
3	Thu nhập BQ (đồng/người/tháng)	2.033.073	1.906.823	2.651.622

5.2. Cơ cấu và trình độ lao động của Công ty sau khi cổ phần hóa

- ❖ Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động trước cổ phần hóa là: **146 người**
- ❖ Phân loại lao động của Công ty trước Cổ phần hóa như sau:

Cán bộ	11/06/2013	
	Số người	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo trình độ lao động	146	100
1. Trình độ trên đại học	-	-
2. Trình độ đại học	54	36,99
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	15	10,27
4. Trình độ khác	35	23,97
5. Chưa đào tạo	42	28,77
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	146	100
1. Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	34	23,29
2. Lao động không xác định thời hạn	108	73,97
3. Lao động thông thuộc diện ký HĐLĐ	4	2,74
4. Lao động hợp đồng thời vụ	-	-

- ❖ Cơ cấu lao động của Công ty sau cổ phần hóa

Loại lao động	Lao động	
	Số người	Tỷ lệ (%)
1. Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	34	23,29

Loại lao động	Lao động	
	Số người	Tỷ lệ (%)
2. Lao động không xác định thời hạn	108	73,97
3. Lao động thông thuộc diện ký HĐLĐ	04	2,74
4. Lao động hợp đồng thời vụ	0	23,29
Tổng cộng	146	100.00

6. Giá trị của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2012

Theo Quyết định 1593/QĐ-BGTVT ngày 11/06/2013 của Bộ Giao thông Vận tải về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 240, theo đó Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa ngày 31/12/2012 là **35.839.324.103 đồng** (*Ba mươi lăm tỷ, tám trăm ba mươi chín triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm lẻ ba đồng*). Trong đó: Giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là **20.674.066.591 đồng** (*Hai mươi tỷ, sáu trăm bảy mươi tư triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm chín mươi một đồng*).

Số liệu theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2012 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	34.738.338.456	35.839.324.103	1.100.985.647
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	9.665.496.809	10.742.352.456	1.076.855.047
1. Tài sản cố định	9.651.110.076	10.727.965.723	1.076.855.047
a. TSCĐ hữu hình			
b. TSCĐ vô hình			
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
3. Chi phí XDCB dở dang			
4. Chi phí trả trước dài hạn	14.386.733	14.386.733	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	25.072.841.647	25.096.971.647	24.130.000
1. Tiền:	8.003.547.711	8.003.547.711	-
+ Tiền mặt tồn quỹ	247.778.249	247.778.249	-
+ Tiền gửi ngân hàng	7.755.769.462	7.755.769.462	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn			-
3. Các khoản phải thu	16.543.598.108	16.543.598.108	-

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	362.434.828	362.434.828	-
5. TSLĐ khác	163.261.000	163.261.000	-
6. Chi phí sự nghiệp			
7. Công cụ dụng cụ đã phân bổ hết giá trị còn sử dụng	0	24.130.000	24.130.000
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	-	-
IV. Giá trị quyền sử dụng đất			
B. Tài sản không cần dùng			
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn			
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn:			
C. Tài sản chờ thanh lý			
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn			
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn:	-	-	-
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng (không sử dụng cho SXKD)	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	34.738.338.456	35.839.324.103	1.100.985.647
Trong đó: TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	34.738.338.456	35.839.324.103	1.100.985.647
E1. Nợ thực tế phải trả Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	15.165.257.512	15.165.257.512	0
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A – (E1+E2)]	19.573.080.944	20.674.066.591	1.100.985.647

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn thuế ATC)

7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

❖ **Đất đai:** Tổng diện tích đất đai Công ty đang sử dụng là: 5.914 m², trong đó:

Stt	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m2)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn thuê	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa	Giá trị QSDĐ tính vào GTDN
I	Tỉnh Hưng Yên	1.144		Đất giao			
1	Km12+300 Thị trấn Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm	1.144	Làm cơ sở điều hành quản lý sửa chữa quốc lộ 5A	Đất giao theo Quyết định số 1995/1998/QĐ-UB ngày 03/11/1998 của UBND tỉnh Hưng Yên	Lâu dài	Khu đất nằm trong vùng Dự án hành lang bảo vệ Quốc lộ 5 và tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng nên Công ty sẽ tạm sử dụng đến khi dự án triển khai	0
II	Tỉnh Hải Dương	4.770		Đất giao			
1	Kho An Châu: Xã An Châu, Huyện Nam Sách	4.770	Kho tập kết xe máy thiết bị, vật tư dự phòng, sản xuất gia công vật liệu cầu kiện và các hoạt động SXKD khác	Đất giao theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất U317436 cấp ngày 29/8/2002 của UBND Tỉnh Hải Dương	Lâu dài	UBND Tỉnh Hải Dương đồng ý cho phép công ty tiếp tục sử dụng khoảng 4.095,5 m2 (diện tích đất giảm đi sau khi đo đạc lại để sử dụng sau cổ phần hóa) tại Công văn số 1194/UBND-VP ngày 10/7/2013 UBND	0
	TỔNG CỘNG	5.914					

Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty

Các khu đất công ty sẽ quản lý và sử dụng sau khi cổ phần hóa:

- Thửa đất thứ nhất có địa chỉ tại Km 12+300 QL5, Thị trấn Như Quỳnh - Huyện Văn Lâm - Tỉnh Hưng Yên: Tạm sử dụng.

Công ty đã làm thủ tục báo cáo UBND Tỉnh Hưng Yên xin chuyển đổi hình thức sử dụng đất sang thuê đất lâu dài, trả tiền thuê đất hàng năm. Song khu đất này nằm trong hành lang bảo vệ Quốc lộ 5 và tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng. Do vậy không đủ điều kiện để UBND Tỉnh Hưng Yên cấp quyết định thuê đất sau khi cổ phần hóa doanh nghiệp.

Vậy khu đất này Công ty tạm sử dụng để tiếp tục làm trụ sở điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thửa đất thứ hai: Có địa chỉ tại Xã An Châu - Thành phố Hải Dương - Tỉnh Hải Dương

Khu đất này đã được UBND Tỉnh Hải Dương đồng ý cho phép công ty tiếp tục sử dụng theo phương án sử dụng đất của công ty tại công văn số 1194/UBND-VP ngày 10/7/2013 UBND về việc phương án sử dụng đất của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 240 khi chuyển sang công ty cổ phần.

Vậy khu đất này Công ty sử dụng để tiếp tục làm Kho tập kết xe máy thiết bị, vật tư dự phòng, sản xuất gia công vật liệu cầu kiện và các hoạt động SXKD.

❖ **Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2012**

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1	Tài sản cố định hữu hình	21.239.064.225	11.587.954.149	9.651.110.076
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	4.140.613.714	634.453.627	3.506.160.087
2	Máy móc, thiết bị	2.911.685.217	2.046.298.228	865.386.989
3	Phương tiện vận tải và TBDCQL	13.657.790.817	8.419.124.090	5.238.666.727
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	528.974.477	488.078.204	40.896.273
II	Tài sản cố định thuê tài chính			
III	Tài sản cố định vô hình			
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
	Tổng	21.239.064.225	11.587.954.149	9.651.110.076

Nguồn: BCTC năm 2012 đã kiểm toán của Công ty

❖ **Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2013**

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	5.054.259.978	1.325.973.257	3.728.286.721
2	Máy móc, thiết bị	2.915.448.083	1.897.639.972	1.017.808.111
3	Phương tiện vận tải và TBDCQL	14.192.073.567	9.011.571.938	5.180.501.629
	Cộng	22.161.781.628	12.235.185.167	9.926.596.461

Nguồn: BCTC 6 tháng đầu năm 2013 chưa kiểm toán của Công ty

8. Danh sách những Công ty Mẹ, Công ty con của doanh nghiệp cổ phần hóa

- ❖ **Công ty mẹ:** Không có công ty mẹ
- ❖ **Các công ty con:** Không có công ty con
- ❖ **Các công ty liên kết:** Không có công ty liên kết

9. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

9.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

9.1.1. Sản lượng sản phẩm và giá trị dịch vụ qua các năm

- ❖ **Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp**

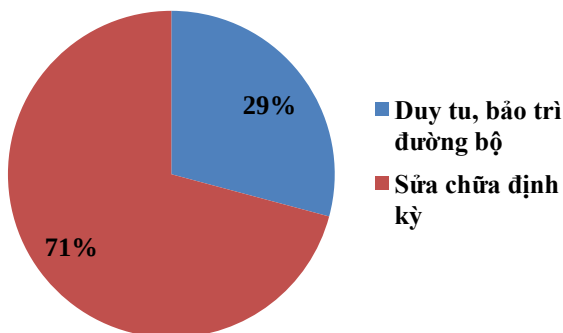
Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Doanh thu thuần	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
		Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
1	Duy tu, bảo trì đường bộ	10.101,0	28,5%	8.756,4	29,16%	10.757,1	39,13%
2	Sửa chữa định kỳ	25.336,8	71,5%	21.270,1	70,84%	16.734,6	60,87%
Tổng		35,437,7	100%	30.026,6	100%	27.491,7	100%

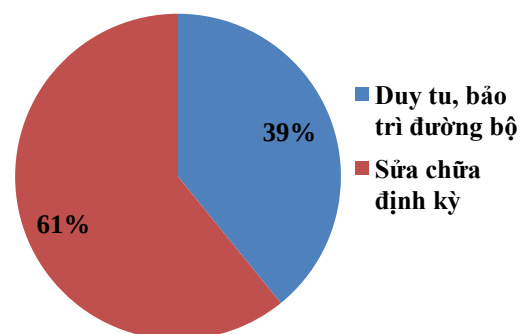
Nguồn: BCTC năm 2010, năm 2011 và năm 2012 đã kiểm toán

Doanh thu của Công ty được đóng góp phần lớn từ hoạt động sửa chữa định kỳ, chiếm từ 60% - 70% trong tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh. Còn lại dịch vụ duy tu và bảo trì đường bộ chiếm từ 30% – 40% tổng doanh thu.

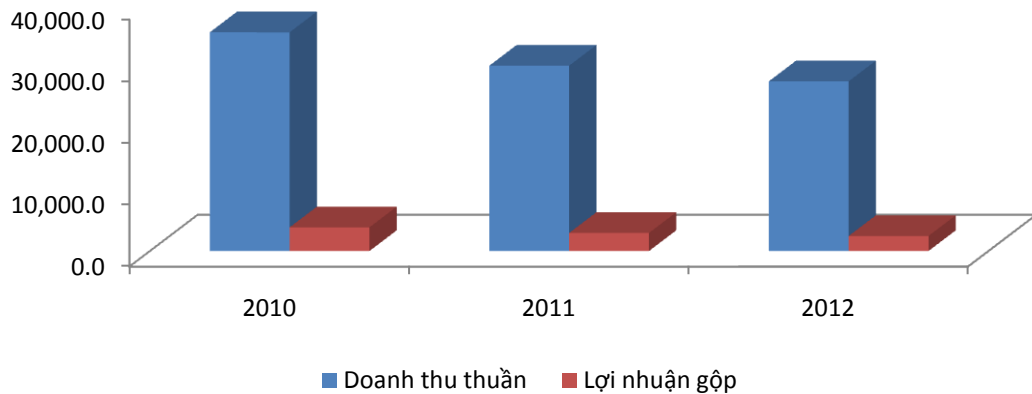
Cơ cấu doanh thu năm 2011



Cơ cấu doanh thu năm 2012



Biểu đồ Doanh thu thuần - Lợi nhuận gộp



Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Giá trị sản lượng và doanh thu năm sau cao hơn năm trước, thường xuyên tạo đủ việc làm cho người lao động, đời sống cán bộ công nhân viên ngày một được nâng cao, các công trình thi công đều đảm bảo chất lượng, tiến độ và mỹ thuật tạo được lòng tin cho Chủ đầu tư và khách hàng.

9.1.2. Nguồn cung cấp hàng hóa đầu vào

- **Nguồn cung cấp nguyên vật liệu:** Đối với hoạt động xây dựng và thi công các công trình giao thông, nguyên vật liệu chủ yếu là vật liệu xây dựng như nhựa đường, đá, cát, sỏi, xi măng, bê tông.... Nguồn cung cấp vật liệu còn nhiều khó khăn đặc biệt là đá các loại phải vận chuyển xa, ảnh hưởng đến giá thành xây dựng làm giảm lợi nhuận.
- **Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu:** Trong những năm qua do xu thế của nền kinh tế đất nước chịu ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu, giá cả nguyên vật liệu biến động liên tục giá điện, xăng dầu hàng hóa dịch vụ tăng cao. Tuy nhiên Công ty đã có mối quan hệ lâu dài và tin cậy với các đơn vị cung cấp cho vì vậy sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu là tương đối.
- **Ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận:** Là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nên tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu trong giá vốn là rất lớn, vì vậy, sự biến động về giá cả nguyên vật liệu đầu vào là nhân tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty. Để hạn chế các rủi ro do biến động giá cả ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh, Công ty thường xuyên thu thập thông tin, thống kê dự báo và nhận định tình hình thị trường của các loại nguyên vật liệu.
- **Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty:**

STT	Tên nhà cung cấp	Mặt hàng cung cấp
1	XN tư doanh vận tải Hồng Lạc	Nhựa đường, đá, sỏi, cát, xi măng
2	Công ty CP cơ khí Thăng Long	Rào thép, tôn sóng, biển báo GT

STT	Tên nhà cung cấp	Mặt hàng cung cấp
3	Công ty XD và Đầu tư quốc tế Hưng long	Sơn các loại
4	Công ty CP Sơn Tùng	Thảm bê tông nhựa

Nguồn: Công ty

9.1.3. Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty

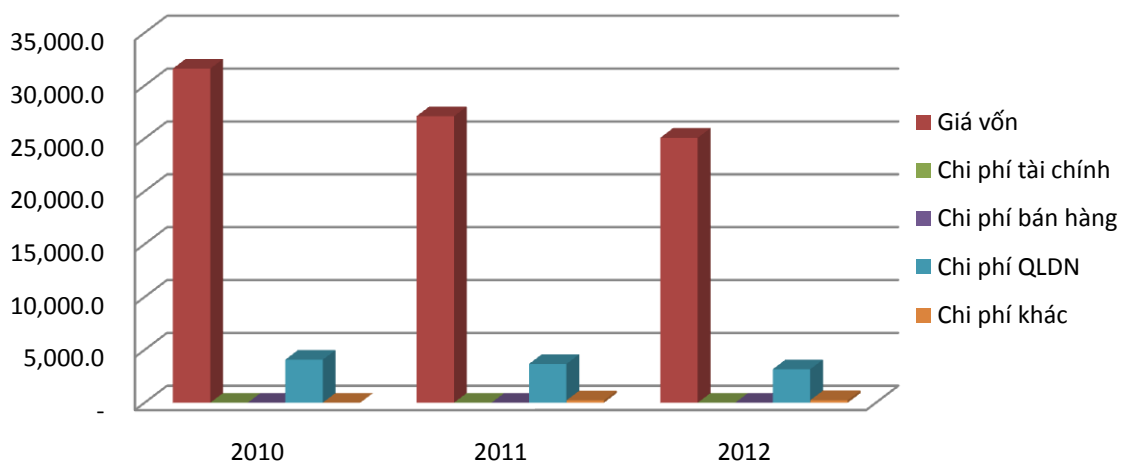
Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chi phí	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn	31.603,4	89,18%	27.104,0	90,27%	25.060	91,15%
2	Chi phí tài chính	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
3	Chi phí bán hàng	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
4	Chi phí QLDN	4.064,2	11,47%	3.665,2	12,21%	3.164	11,51%
5	Chi phí khác	0,97	0,00%	221,5	0,74%	232,7	0,85%
Tổng		35.668,5	100,65%	30.990,8	103,21%	28,457	103,51%

Nguồn: BCTC năm 2010, năm 2011 và năm 2012 đã kiểm toán

Giá vốn là chi phí kinh doanh chủ yếu của Công ty, năm 2011 và 2012, tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty luôn cao hơn doanh thu, chính vì vậy Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty bị âm trong 2 năm gần đây. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh theo Báo cáo kết quả kinh doanh vẫn có lãi do thu nhập khác bù lại.

Biểu đồ chi phí hoạt động



Nguồn: BCTC năm 2010, năm 2011 và năm 2012 đã kiểm toán

9.1.4. Trình độ công nghệ

Hiện tại Công ty chuyên thi công xây lắp về đường bộ, san lấp mặt bằng nên công nghệ được áp dụng trong thi công đạt yêu cầu về chất lượng, tiến độ như:

- Thi công mặt đường bằng bê tông nhựa nóng.
- Thi công xử lý nền đất yếu bằng bấc thấm, cọc cát

Công ty hiện có dây chuyền thi công đường đầy đủ gồm: Máy đào, máy lu bánh sắt, bánh lốp, máy rải cấp phối, máy rải bê tông nhựa đường, máy tưới nhũ tương, nhựa tưới thấm, xe vận chuyển...

STT	Tên máy	Số lượng	Năm sử dụng	Nước sản xuất
1	Xe thang điện	1	2005	Nhật
2	Xe cầu tự hành	1	2005	korea
3	Ô tô cầu	1	2003	korea
4	Xe tải ben	4	2005	Nhật
5	Máy xúc	1	2005	Nhật
6	Lu rung 2,5 tấn	2	2003	Nhật
7	Máy sơn kẻ đường	1	2006	VN
8	Xe quét rác	1	2004	Nhật

Nguồn: Công ty

Thiết bị thi công của Công ty chủ yếu phục vụ công tác duy tu bảo dưỡng đường bộ, công tác đảm bảo giao thông, được trang cấp, điều chuyển từ các dự án khi xây dựng hoàn thành. Cho nên hiệu quả sử dụng không cao, khi thực hiện thi công các dự án công ty phải thuê ngoài một số máy móc thiết bị, năng lực thi công của Công ty còn nhiều hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu hiện tại.

9.1.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

Nhận biết được tầm quan trọng của chất lượng công trình với hình ảnh và uy tín của một doanh nghiệp. Công ty luôn chú trọng tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước, Bộ GTVT về công tác quản lý đảm bảo chất lượng công trình. Công ty xây dựng, ban hành hệ thống quản lý chất lượng nội bộ, áp dụng được yêu cầu quản lý chất lượng của các dự án xây dựng Công ty tham gia thi công.

Công ty đã áp dụng cách thức kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm dịch vụ của Công ty như sau:

- Tất cả các nguyên vật liệu đầu vào đều được kiểm tra chất lượng một cách kỹ lưỡng và chặt chẽ, các vật liệu đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng mới được đưa vào sử dụng cho công trình. Để kiểm soát chất lượng đầu vào, vật liệu phải được cung cấp bởi các đơn vị và các nhà sản xuất có uy tín, vật liệu sử dụng phải có đầy đủ chứng chỉ chất lượng theo quy định pháp luật.
- Cử cán bộ thường xuyên theo dõi giám sát công trình, có trách nhiệm trong việc quản lý chất lượng. Hướng dẫn, phổ biến, giám sát các đơn vị chấp hành đúng quy trình, quy phạm hoặc quy định kỹ thuật đối với mỗi công trình đơn vị đảm nhiệm.
- Công tác quản lý chất lượng phải được báo cáo Lãnh đạo Công ty thông qua các hội nghị giao ban hoặc bằng văn bản nhanh chóng, kịp thời, chính xác.
- Phối hợp với đơn vị thi công đề xuất những giải pháp kỹ thuật với Tư vấn hoặc Chủ đầu tư trong trường hợp thi công có những vấn đề liên quan đến chất lượng hoặc giải pháp thi công.
- Công tác quản lý chất lượng của từng công trình phải được tập hợp và lưu trữ theo chế độ qui định của Nhà nước để phục vụ cho công tác lập hồ sơ hoàn công.

9.1.6. Hoạt động Marketing

Hiện tại công ty không thực hiện hoạt động quảng cáo về Công ty mà chủ yếu hoạt động dựa vào uy tín thi công đã có và qua các công trình thi công. Sau khi tiến hành cổ phần hóa, Công ty sẽ đẩy mạnh hoạt động quảng bá thương hiệu.

9.1.7. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại Công ty không có nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký.

9.1.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Đối tác HD	Số hợp đồng	Công trình	Giá trị HD (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
Khu Quản lý Đường bộ II	157b/2013/HĐ-XD	Duy tu QL5	9,2	12 tháng
Khu Quản lý Đường bộ II	902b/2013/HĐ-XD	Sửa chữa QL70	4,4	60 ngày
Khu Quản lý Đường bộ II	1068/2013/HĐ	Sửa chữa QL 2	4,6	120 ngày
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4	31a/2013/CNHN	Sửa chữa QL5	6,6	4 tháng

Nguồn: Công ty

9.2. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

❖ **Công nợ phải thu**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/10	31/12/11	31/12/12
Phải thu từ khách hàng	6.053.146.379	8.621.827.379	10.403.898.379
Trả trước cho người bán	419.703.173	76.578.937	0
Phải thu nội bộ	250.000.000	250.000.000	250.000.000
Phải thu khác	2.520.560.425	3.693.037.624	5.889.699.729
Dự phòng phải thu khó đòi	(30.000.000)	(60.000.000)	0
Tổng cộng	9.213.409.977	12.581.443.940	16.543.598.108

Nguồn: BCTC năm 2010, năm 2011 và 2012 đã kiểm toán

❖ **Công nợ phải trả**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/10	31/12/11	31/12/12
Nợ ngắn hạn	9.111.938.618	10.927.230.682	14.856.863.562
Vay và nợ ngắn hạn	0		0
Phải trả cho người bán	122.154.719	1.360.248.686	174.388.035
Người mua trả tiền trước	672.000.000	10.000.000	362.000.000
Thuế và các khoản phải nộp NN	1.094.522.608	2.652.983.668	3.262.473.620
Phải trả công nhân viên	490.284.273	44.850.000	2.095.622.221
Phải trả nội bộ	5.565.745.576	4.339.641.932	3.651.497.965
Phải trả khác	893.826.559	1.951.835.748	4.063.204.945
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	273.404.883	567.670.648	1.247.676.776
Nợ dài hạn	2.171.422.657	1.850.009.415	308.393.950
Phải trả dài hạn người bán			
Phải trả dài hạn khác			90.000.000
Vay và nợ dài hạn			
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.597.580.850	908.338.560	
Doanh thu chưa thực hiện	573.841.807	941.670.855	218.393.950

Chỉ tiêu	31/12/10	31/12/11	31/12/12
Tổng cộng	11.283.361.275	12.777.240.097	15.165.257.512

Nguồn: BCTC năm 2010, năm 2011, và năm 2012 đã kiểm toán

❖ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước khi cổ phần hóa**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1. Tổng Tài sản		46.435.743.840	37.307.083.553	34.738.338.456
2. Vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán	Đồng	35.152.382.565	24.529.843.456	19.573.080.944
3. Nợ vay ngắn hạn	Đồng	-	-	-
<i>Trong đó : Nợ quá hạn</i>	<i>Đồng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
4. Nợ vay dài hạn	Đồng	-	-	-
<i>Trong đó : Nợ quá hạn</i>	<i>Đồng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
5. Nợ phải thu khó đòi	Đồng	(30.000.000)	(60.000.000)	0
6. Tổng số lao động	Người	323	344	311
7. Tổng quỹ lương	Đồng	7.880.191.000	7.871.365.000	9.895.854.289
8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Đồng	2.033.073	1.906.823	2.651.622
9. Tổng doanh thu	Đồng	35.975.976.597	31.121.191.245	29.080.037.684
10. Tổng chi phí	Đồng	35.668.542.083	30.990.822.879	28.456.722.958
11. Lợi nhuận thực hiện	Đồng	307.434.514	130.368.366	623.314.726
12. Lợi nhuận sau thuế	Đồng	230.575.886	97.776.274	514.234.649
13. Tỷ suất LNST/vốn nhà nước	%	0.66	0.40	2.63

Nguồn: BCTC năm 2010, năm 2011 và năm 2012 đã kiểm toán

❖ **Các chỉ tiêu tài chính năm 2010 – 2012**

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,15	1,87	1,69

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Hệ số thanh toán nhanh	2,06	1,79	1,66
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ/Tổng tài sản	24,30%	34,25%	43,66%
Nợ/Vốn chủ sở hữu	32,10%	52,09%	77,48%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay các khoản phải thu	5,85	3,48	2,64
Vòng quay các khoản phải trả	258,72	19,93	143,70
Vòng quay hàng tồn kho	38,35	29,56	69,14
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,76	0,80	0,79
Chỉ tiêu về tăng trưởng và cơ cấu chi phí			
Tăng trưởng doanh thu thuần	n/a	19,52%	-8,44%
Tỷ lệ giá vốn/Doanh thu thuần	89,18%	90,27%	91,15%
Tỷ lệ Doanh thu tài chính/Doanh thu thuần	1,04%	1,10%	1,53%
Tỷ lệ chi phí tài chính/Doanh thu thuần	0,00%	0,00%	0,00%
Tỷ lệ chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	0,00%	0,00%	0,00%
Tỷ lệ doanh thu khác/Doanh thu thuần	0,48%	2,55%	4,25%
Tỷ lệ chi phí khác/Doanh thu thuần	0,00%	0,74%	0,85%
Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần	11,47%	12,21%	11,51%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,65%	0,33%	1,87%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,66%	0,40%	2,63%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,50%	0,26%	1,48%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,39%	-1,37%	-1,14%

Nguồn: BCTC năm 2010, năm 2011 và năm 2012 đã kiểm toán

9.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

 Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ **Thuận lợi:**

- ✓ Công ty nhận được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng uỷ, Hội đồng thành viên, Ban lãnh đạo Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1; sự đồng tình ủng hộ của cấp uỷ, chính quyền địa phương. Bên cạnh đó, với sự lãnh đạo đúng đắn của các cấp uỷ chi bộ, sự chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất của Ban lãnh đạo chuyên môn từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc, cùng với sự đồng tâm hiệp lực, cố gắng của mỗi tập thể, mỗi cá nhân trong toàn Công ty, Công ty đã phát huy nội lực, vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, bảo đảm việc làm và thu nhập cho người lao động, bảo toàn vốn và phát triển doanh nghiệp.
- ✓ Công ty đã có một thời gian dài hoạt động trong lĩnh vực xây dựng đường bộ nên đã xây dựng uy tín thương hiệu của mình đặc biệt là trong công tác bảo trì đường bộ.
- ✓ Hiện nay, Công ty đã trở thành một đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 (Cienco 1), đây là Tổng Công ty lớn, có thương hiệu và năng lực thi công cầu đường tốt nên nhận được sự quan tâm hỗ trợ về việc làm, thương hiệu, máy móc thiết bị thi công và nguồn vốn lưu động cũng như nhân sự quản lý và thi công.

❖ **Khó khăn:**

- ✓ Nền kinh tế Việt Nam trong các năm vừa qua bị ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế làm cho các hoạt động xây dựng cơ bản bị cắt giảm, các dự án xây dựng bị thiếu vốn dẫn tới tiến độ thi công chậm hoặc ngừng thi công đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- ✓ Công nợ phải thu ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất kinh doanh của Công ty, hiện nay là công nợ phải thu các công trình sửa chữa đột xuất và công trình đảm bảo giao thông còn tồn đọng khá lớn, thêm vào đó là sự trượt giá, lãi vay Ngân hàng đã làm cho nhiều công trình từ lãi chuyển sang lỗ. Công nợ phải thu cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Công nợ phải thu ở các công trình xây dựng đang tồn đọng tại chủ đầu tư, quy trình thủ tục thu hồi công nợ kéo dài.
- ✓ Do mô hình hoạt động của Công ty từ trước tới nay là Quản lý, khai thác duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đường bộ, đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch hoạ xảy ra trên địa bàn quản Hạt được giao. Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh tập trung vào công tác duy tu bảo dưỡng đường bộ; năng lực con người, thiết bị thi công, kinh nghiệm thi công để tham gia các dự án đấu thầu rất hạn chế. Việc đầu tư nâng cao năng lực, xây dựng thương hiệu uy trong lĩnh xây dựng cơ bản

chưa được quan tâm, đây là khó khăn rất lớn cần phải xây dựng trong một thời gian không phải là ngắn.

- ✓ Trong xu thế hợp tác, phát triển đang diễn ra từng ngày trên tất cả các lĩnh vực, các ngành. Công ty đang bị thiếu hụt về nhân lực kinh nghiệm, bản lĩnh trong điều hành sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường. Đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao, sâu theo chuyên ngành thiếu và yếu cũng làm hạn chế đến việc mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.
- ✓ Tháng 3 năm 2011 thực hiện Quyết định của Bộ GTVT và Tổng cục Đường bộ Việt Nam, trạm thu phí Cầu Hồ Quốc lộ 38 ngừng hoạt động, tháng 12 năm 2012 Trạm thu phí Cầu Bình QL 37, Trạm thu phí Lường Mẹt QL 1 dừng thu, xóa bỏ. Năm 2010, 2012 bàn giao đoạn tuyến Quốc lộ 1 mới, Quốc lộ 37 dẫn đến giảm việc làm và lực lượng lao động dư thừa ảnh hưởng trực tiếp tới sản lượng hàng năm của công ty và thu nhập của người lao động
- ✓ Trạm thu phí cầu Bình Quốc lộ 37 được nâng cấp hiện đại hóa chuyển sang hình thức thu phí một dừng từ cuối năm 2010, số CBCNV hiện tại được bố trí vào đây chuyển theo quy định bị dư thừa.
- ✓ Một số cơ chế chính sách đối với công tác duy tu đường bộ còn nhiều bất cập, định mức SCTX đã thực hiện nhiều năm chưa được sửa đổi bổ sung kịp thời, giá cả leo thang từng ngày ảnh hưởng rất lớn đến đời sống thu nhập của người lao động.
- ✓ Quan điểm của xã hội về thu phí giao thông đôi lúc chưa thật thông cảm, phần nào đó cũng gây không ít khó khăn trong việc chi đạo thu phí.
- ✓ Trong những năm 2011, 2012 nhà nước thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ về kiểm chế lạm phát nên một số công trình đơn vị trúng thầu nhưng không được bố trí vốn ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống và việc làm của CBCNV-LĐ toàn Công ty.
- ✓ Nguồn vốn bố trí cho công tác dịch vụ công ích Nhà nước thấp, chỉ đảm bảo 40 - 50% yêu cầu thực tế.
- ✓ Khó khăn chung của nền kinh tế đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bên cạnh đó, lãi suất cho vay cao, điều kiện cho vay khó khăn hơn nên khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay của Công ty bị hạn chế, ảnh hưởng tới nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Với bề dày lịch sử hoạt động 20 năm trong lĩnh vực sửa chữa, bảo trì, duy tu đường bộ, Công ty đã tích lũy cho mình được những kinh nghiệm nhất định. Các hoạt động quản lý

đường bộ vẫn là thế mạnh chính của Công ty được nhà nước giao nhiệm vụ quản hạt, đặt hàng, đây là điều kiện thuận lợi so với doanh nghiệp khác trên địa bàn.

Hiện nay, trong lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải đã được xã hội hoá rất cao, các loại hình doanh nghiệp đều có thể tham gia được do đó sự cạnh tranh diễn ra mạnh mẽ. Nhiều dự án Công ty không thể tham gia được vì là nguồn vốn vay World Bank, ADB, do điều kiện dự thầu doanh nghiệp nhà nước không được tham gia, là cản trở rất lớn cho phát triển sản xuất kinh doanh và năng lực thi công của Công ty.

10.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngày 03/3/2009 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 35/QĐ/QĐ-TTg về chiến lược phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, định hướng phát triển giao thông vận tải trong nước được xác định như sau:

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông một cách đồng bộ, hợp lý; kết hợp phát triển từng bước vững chắc với những bước đột phá đi thẳng vào hiện đại tạo nên mạng lưới hoàn chỉnh, liên hoàn, liên kết giữa các phương thức vận tải, giữa các vùng lãnh thổ, giữa đô thị và nông thôn trên phạm vi toàn quốc, đồng thời coi trọng công tác bảo trì, đảm bảo khai thác hiệu quả, bền vững kết cấu hạ tầng giao thông hiện có.
- Kết hợp đầu tư mới với cải tạo, nâng cấp, đầu tư theo chiều sâu phát huy hiệu quả của các cơ sở công nghiệp với giao thông vận tải hiện có.
- Phát triển hệ thống giao thông vận tải đối ngoại gắn kết chặt chẽ với hệ thống giao thông vận tải trong nước để chủ động hợp tác, hội nhập khu vực và quốc tế.
- Phát triển mạnh giao thông vận tải địa phương, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp – nông thôn, gắn kết được mạng giao thông vận tải địa phương với mạng giao thông vận tải quốc gia, tạo sự liên hoàn, thông suốt và chi phí vận tải hợp lý, phù hợp với đa số người dân.
- Xã hội hóa việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. Huy động tối đa mọi nguồn lực, coi trọng nguồn lực trong nước để đầu tư phát triển giao thông vận tải.

Để thực hiện các định hướng trên, Chính phủ cũng đưa ra các giải pháp, chính sách hỗ trợ thực hiện, tiêu biểu trong đó là:

- Tăng mức đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông bằng ngân sách nhà nước hàng năm đạt 3,5 - 4,5% GDP.
- Huy động tối đa mọi nguồn lực, chú trọng nguồn nội lực, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế dưới nhiều hình thức vào xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.
- Khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho các doanh nghiệp công nghiệp giao thông vận tải mở rộng liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để huy động vốn, chuyển giao công nghệ, trao đổi kinh nghiệm quản lý.

- Thành lập các công ty thuê mua tài chính có sự bảo lãnh của Nhà nước để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các nguồn tài chính, công nghệ, phương tiện kỹ thuật mới.

Với quan điểm của Chính phủ coi giao thông vận tải là bộ phận quan trọng trong kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, cần ưu tiên đầu tư phát triển đi trước một bước với tốc độ nhanh, bền vững nhằm tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước đã mở ra triển vọng phát triển trong tương lai của ngành, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong ngành có nhiều cơ hội kinh doanh, tiếp cận với vốn, khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý mới.

10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới thể hiện bằng việc Công ty quyết tâm chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình mới là công ty cổ phần. Trong xu thế hội nhập và phát triển hiện nay với nền kinh tế thị trường, mô hình doanh nghiệp Nhà nước hoạt động hiện không còn hiệu quả, tính linh hoạt và khả năng cạnh tranh bị hạn chế. Mô hình công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp thích hợp nhất mà các nước tiên tiến nói chung và Việt Nam nói riêng đang áp dụng và phát huy các mặt tích cực của nó trong nền kinh tế. Với mô hình công ty cổ phần, Công ty sẽ huy động được các nguồn lực trong xã hội cả về vốn lẫn nhân lực của mọi tổ chức kinh tế, cá nhân trong và ngoài nước. Các pháp nhân, cá nhân tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp giúp đổi mới và phát triển doanh nghiệp, tạo việc làm cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương; thay đổi phương thức quản lý doanh nghiệp, tạo động lực phát triển, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

VI. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HOÁ

1. Tên Công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh

- Tên Công ty : **Công ty Cổ phần Đường bộ 240 – CIENCO1**
- Tên tiếng anh : **ROAD JOINT STOCK COMPANY 240 – CIENCO1**
- Tên viết tắt : **RJSC 240 - CIENCO1**
- Trụ sở chính : **Km 10 QL5, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành Phố Hà Nội**
- Điện thoại : **03213.987.386**
- Fax : **03213.987.386**
- **Ngành nghề kinh doanh**

Số TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Quản lý khai thác, duy tu bảo dưỡng các công trình cầu đường bộ	8413-84130
2	Đảm bảo giao thông khi có thiên tai, dịch hoạ xảy ra trên địa bàn được giao	4823-84230
3	Tổ chức thu phí sử dụng cầu đường bộ	5221
4	Xây dựng và sửa chữa các công trình giao thông cầu, đường bộ	42102
5	Xây dựng công trình thuỷ lợi, dân dụng, công nghiệp	410-4100-41000
6	Sản xuất các loại biển báo hiệu đường bộ và sản phẩm, cấu kiện kim loại phục vụ cho công trình giao thông, xây dựng và kiến trúc	251
7	San lấp mặt bằng, xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng nội bộ trong mặt bằng xây dựng	4321-43120
8	Phá dỡ	4311-43110
9	Xây dựng công trình công viên, vườn hoa, cây xanh	813-8136-81300
10	Xây dựng các công trình điện trạm biến áp	4321-43210
11	Tư vấn thiết kế công trình giao thông vừa và nhỏ, công trình xây dựng dân dụng, cấp thoát nước, công trình vui chơi giải trí thể thao	
12	Mua bán vật liệu xây dựng	47524
13	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cốt thép đúc sẵn	23950
14	Sản xuất các sản phẩm bê tông nhựa, bê tông xi măng và các loại vật liệu phụ	23950

15	Khai thác vật liệu xây dựng	081- 0810
16	Tư vấn giám sát công trình giao thông, cấp thoát nước, công trình vui chơi giải trí, thể thao, du lịch	
17	Vận tải hành khách, hàng hoá	493
18	Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ, máy móc phục vụ thi công công trình các loại	7710
19	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ	45201
20	Sửa chữa máy móc, thiết bị	331501
21	Hoạt động kho bãi hàng hoá	52102
22	Đầu tư, dịch vụ khách sạn nhà hàng ăn uống	56101
23	Đầu tư tài chính	6619- 66190
24	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799-47990
25	Dịch vụ vệ sinh môi trường	812

2. Phương án cơ cấu lại doanh nghiệp khi chuyển sang công ty cổ phần

Mô hình tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị: 03 người (Chủ tịch, 2 ủy viên HĐQT)
- Ban kiểm soát: 03 người (Trưởng ban, 02 ủy viên)
- 1 Giám đốc điều hành; 2 phó Giám đốc phụ trách các lĩnh vực Kế hoạch, Vật tư thiết bị, Kỹ thuật, và Quản lý giao thông.

Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban cụ thể như sau:

❖ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

❖ Hội đồng quản trị :

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty dự kiến gồm 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

❖ Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra, giám sát toàn diện mọi hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều 123 Luật doanh nghiệp 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Ban kiểm soát của Công ty dự kiến có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

❖ **Giám đốc và các phó giám đốc :**

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê. Giúp việc cho Giám đốc là các Phó giám đốc (2 người).

❖ **Các phòng nghiệp vụ:**

a. Phòng Kế hoạch –Kỹ thuật:

Xây dựng kế hoạch phát triển công ty trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Theo dõi giám sát việc thực hiện kế hoạch đó.

- Tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị và Giám đốc trong kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch. Đưa ra giải pháp, biện pháp để giúp bộ phận chức năng, đầu mối hoàn thành nhiệm vụ, cải tiến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tổng kết kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý, 6 tháng đầu năm, cuối năm giúp Ban giám đốc trong việc thống kê, báo cáo số liệu sản xuất kinh doanh và các báo cáo khác theo yêu cầu của Giám đốc.

- Theo dõi, thống kê phân tích tình hình biến động của thị trường trong lĩnh vực doanh nghiệp hoạt động, báo cáo Giám đốc để có những quyết định kịp thời trong điều hành quản lý doanh nghiệp.

- Phụ trách việc tìm kiếm việc làm.

- Tham mưu cho giám đốc trong việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc.

- Tham mưu và soạn thảo các hợp đồng kinh tế.

- Lập hồ sơ thanh quyết toán các công trình với chủ đầu tư.

- Quyết toán các công trình với các đơn vị trực thuộc.

- Quản lý, theo dõi toàn bộ máy móc, thiết bị thi công, xe máy trong toàn công ty.

- Tham mưu việc mua sắm, thanh lý máy móc thiết bị, xe máy.
- Theo dõi nhật trình hoạt động của xe máy thiết bị để lên kế hoạch sửa chữa định kỳ đúng quy định, đảm bảo máy móc thiết bị đảm bảo sử dụng lâu bền.
- Tham mưu cho lãnh đạo công ty trong việc điều động, bố trí xe, máy để thi công các công trình.
- Theo dõi việc cấp phát vật tư, nhiên liệu cho các đơn vị thi công đảm bảo đúng chủng loại và đủ khối lượng (chủ yếu là nhựa đường và vật liệu nổ công nghiệp).
- Chủ trì và phối hợp với các phòng, ban liên quan để lập hồ sơ đấu thầu và giao khoán nội bộ.
- Chỉ đạo các đơn vị thi công công trình đúng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, mỹ thuật.
- Tổ chức nghiệm thu khối lượng cho các đơn vị thi công.
- Lập hồ sơ hoàn công các công trình được giao chỉ đạo thi công.
- Phối hợp với các phòng, ban liên quan để lập hồ sơ đấu thầu và chỉ định thầu các công trình.

b. Phòng Quản lý giao thông :

- Tham mưu cho giám đốc Công ty về quản lý SCTX cầu đường bộ.
- Tham mưu cho giám đốc Công ty về công tác đảm bảo ATGT và phòng chống bão lụt.
- Tham mưu cho giám đốc Công ty về công tác quản lý hành lang đường bộ.
- Lập và bổ sung thường xuyên hồ sơ lý lịch cầu đường do Công ty quản lý.
- Lập hồ sơ chỉ giới hành lang đường bộ và thực trạng vi phạm lấn chiếm hành lang. Phối hợp với Thanh tra giao thông thực hiện công tác giải phóng hành lang an toàn đường bộ.
- Theo dõi, tổng hợp công tác đánh giá, phân loại đường.
- Hướng dẫn, kiểm tra công tác tuần đường, công tác cập nhật sổ sách các Hạt quản lý đường bộ.
- Tham gia xây dựng quy trình, quy phạm, công nghệ và định mức sửa chữa thường xuyên cầu đường bộ.
- Xây dựng và triển khai các ứng dụng tiến bộ KHKT vào công tác sửa chữa thường xuyên cầu đường bộ.
- Xác định khối lượng sửa chữa cầu đường hàng tháng, quý. Lập dự toán SCTX trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và dự toán nội bộ các đơn vị trình Giám đốc duyệt.
- Chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật và kiểm tra giám sát thi công các công trình SCTX, SC định kỳ cầu đường bộ. Xác định khối lượng nghiệm thu hàng tháng và hàng quý cho các đơn vị.
- Theo dõi, tổng hợp và đề xuất các giải pháp đảm bảo giao thông.

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác phòng chống bão lụt.
- Theo dõi và báo cáo kịp thời tình hình hệ thống an toàn giao thông, tai nạn giao thông, lưu lượng xe trên tuyến theo đúng định kỳ.

c. Phòng Tài chính kế toán :

- Phản ánh toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật. Theo dõi tình hình biến động và số hiện có về các loại vốn bằng tiền, tài sản, vật tư, và nguồn hình thành tài sản của Công ty.
- Thực hiện soát xét thanh quyết toán các khoản chi phí SXKD tại Công ty đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ và hợp pháp bao gồm:
 - Chi phí nguyên vật liệu.
 - Chi phí khấu hao TSCĐ.
 - Chi phí tiền lương.
 - Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ.
 - Chi phí dịch vụ mua ngoài.
 - Chi phí bằng tiền khác.
- Phân tích các số liệu hạch toán kế toán và đề xuất các biện pháp tối ưu nhằm giúp lãnh đạo đề ra những quyết định đúng cho công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức hạch toán theo từng phần hành kế toán nhằm theo dõi chi tiết mọi nguồn vốn phát sinh của Công ty.
- Phối hợp với các phòng ban nghiên cứu quy trình lập, luân chuyển chứng từ kế toán một cách hợp lý phục vụ cho công tác hạch toán kế toán đồng thời tổ chức lưu trữ toàn bộ chứng từ kế toán đảm bảo đầy đủ, căn trọng theo đúng quy định của Luật kế toán.
- Tổng hợp số liệu kế toán chi tiết các phần hành để lập báo cáo tài chính một cách chính xác kịp thời. Đảm bảo phản ánh trung thực tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cuối mỗi kỳ kế toán (thường là quý, năm). Thực hiện nộp báo cáo tài chính đúng theo qui định.
- Tổ chức công tác đối chiếu, đối soát thu hồi công nợ, đặc biệt là nợ phải thu, vốn sửa chữa đường bộ với các chủ đầu tư, giảm thiểu tối đa vốn bị chiếm dụng, tăng khả năng thanh toán nhanh bằng tiền của Công ty.
- Nghiên cứu và áp dụng các văn bản pháp luật mới về công tác kế toán, thống kê đảm bảo đúng quy định của nhà nước .
- Phối hợp với các phòng, ban liên quan để lập hồ sơ đấu thầu và chỉ định thầu các công trình.

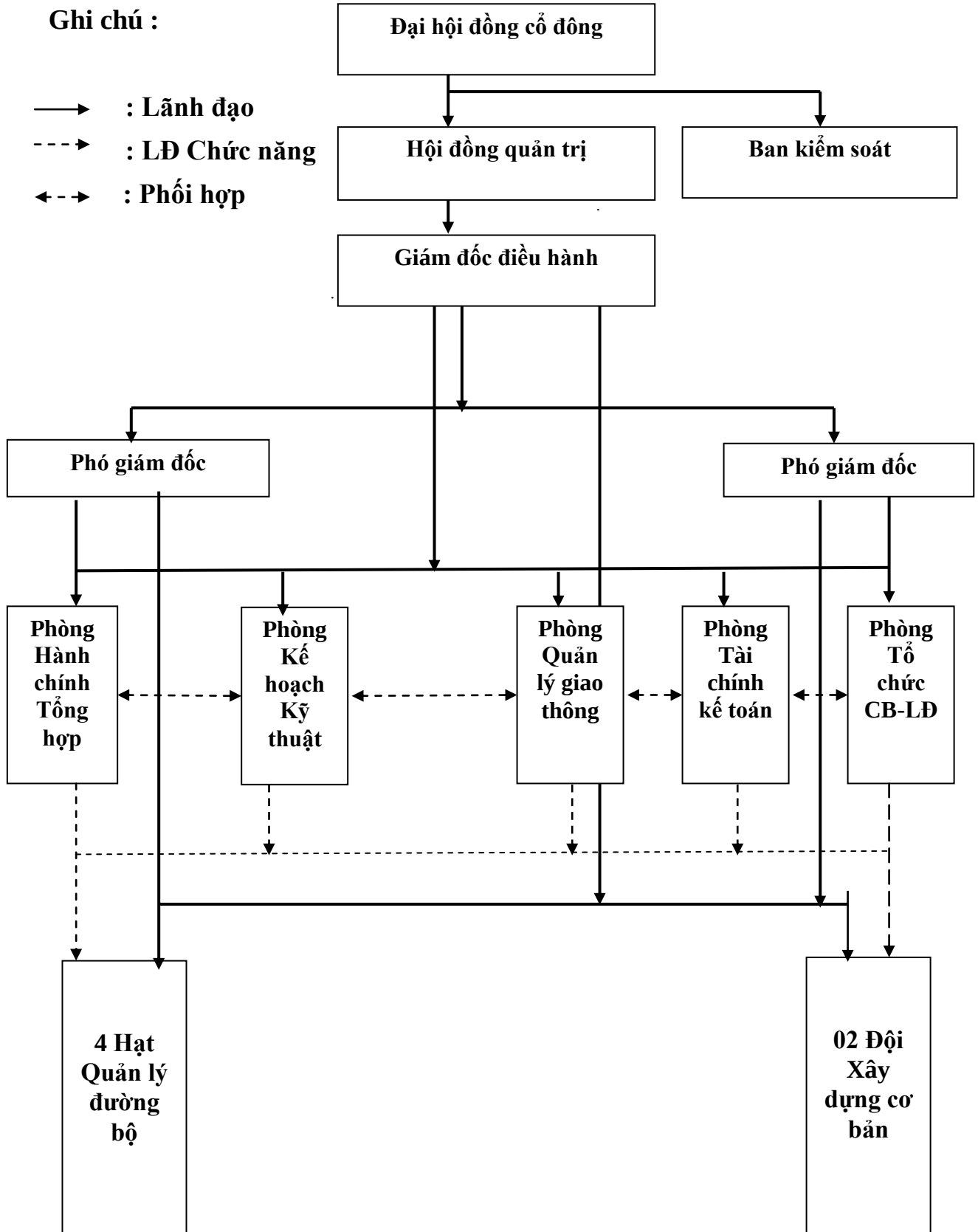
d. Phòng Tổ chức Cán bộ- Lao động

- Tham mưu cho giám đốc Công ty về công tác tổ chức cán bộ .
- Tham mưu cho giám đốc Công ty về công tác lao động, tiền lương, các chế độ chính sách đối với người lao động.
- Tổ chức thực hiện các công việc trong lĩnh vực quản trị hành chính.
- Quản lý và lưu trữ hồ sơ CBCNV.
- Tham mưu và xây dựng bộ máy tổ chức quản lý, bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu của Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Làm thủ tục tiếp nhận, chuyển giao, thành lập, sát nhập và giải thể các đơn vị, phòng ban trực thuộc khi có quyết định của Công ty và cấp trên.
- Tham mưu cho Giám đốc quyết định điều động, sắp xếp, bố trí, tuyển dụng, tiếp nhận và chuyển chuyển CBCNV theo phân cấp quản lý.
- Tổ chức triển khai việc xếp hạng, chuyển hạng doanh nghiệp, làm thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định công nhận hạng Doanh nghiệp.
- Lập kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng. Tổ chức thi nâng ngạch, nâng bậc lương cho CBCNV theo đúng quy định được phân cấp quản lý.
- Tổ chức nghiên cứu xây dựng và sửa đổi, bổ sung nội quy lao động, quy chế tổ chức, quy chế tiền lương, tiền thưởng v.v.
- Xây dựng và quản lý hệ thống định mức lao động, đơn giá tiền lương của Công ty và triển khai thực hiện sau khi được duyệt.
- Tham gia nghiệm thu và duyệt lương các công trình.
- Hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trực thuộc thực hiện các hình thức phân phối tiền lương, tiền thưởng.
- Kiểm tra các đơn vị thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, tình hình chấp hành luật lao động.
- Giải quyết các thủ tục về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, giám định khả năng lao động.
- Tham mưu cho Giám đốc Công ty trong việc xây dựng và ký thoả ước lao động tập thể.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo hộ lao động. Kiểm tra công tác ATLĐ- VSLĐ, phòng chống cháy nổ đối với các đơn vị trực thuộc.
- Xây dựng kế hoạch và thực hiện triển khai công tác thi đua tuyên truyền trong Công ty.
- Thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ cơ quan, thực hiện phòng cháy chữa cháy và tham gia an ninh quốc phòng với chính quyền địa phương.

e. Phòng Hành chính Tổng hợp

- Tham mưu cho giám đốc Công ty về công tác hành chính.
- Quản lý trang thiết bị nội thất, phương tiện làm việc, khu vực văn phòng công ty và các đơn vị trực thuộc, chỉ giới, thủ tục đất của công ty, các hạt, đội, phòng làm việc thuộc các đơn vị trong công ty. Đảm bảo yêu cầu công tác và sinh hoạt trong công ty.
- Lập kế hoạch sửa chữa, mua sắm trang thiết bị văn phòng thường xuyên và giải quyết những yêu cầu phát sinh đột xuất, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.
- Đăng ký hộ khẩu tạm trú cho CBCNV tại văn phòng công ty theo qui định. hướng dẫn các đơn vị đăng ký hộ khẩu ở địa phương nơi đóng quân.
- Quản lý công tác bảo vệ văn phòng Công ty, làm công tác tạp vụ và lái xe con phục vụ lãnh đạo công ty và phòng nghiệp vụ trong công tác.
- Trình Giám đốc giải quyết các chế độ thăm hỏi các đối tượng gia đình chính sách trong ngày lễ, ngày Tết.
- Tổ chức thực hiện các chế độ nghỉ dưỡng sức, điều dưỡng, ốm đau, hiếu, hỷ.
- Lập kế hoạch bảo vệ trật tự an ninh xã hội trong đơn vị.
- Thông báo họp giao ban lãnh đạo công ty và các phòng ban chức năng hàng tháng, quý và các cuộc họp khác.
- Tham gia và hướng dẫn các đơn vị làm thủ tục xin cấp giấy phép khai thác mỏ, giấy sử dụng vật liệu nổ công nghiệp...
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai công tác y tế trong toàn Công ty.
- Quản lý công văn, giấy tờ, sổ sách hành chính và con dấu. Thực hiện công tác lưu trữ tài liệu theo quy định.
- Theo dõi và kiểm tra quá trình sử dụng tài sản công của văn phòng công ty
- Kinh doanh các ngành nghề khác trong phạm vi đăng ký phù hợp các quy định của pháp luật;
- Phối hợp với các phòng, ban liên quan để lập hồ sơ đấu thầu và chỉ định thầu các công trình.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty sau khi cổ phần hóa



3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi thực hiện cổ phần hoá**3.1 Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kế sau khi cổ phần hoá**

Trên cơ sở của tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô lĩnh vực hoạt động của Công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có, Công ty đưa ra dự kiến các chỉ tiêu kinh tế trong ba năm tiếp theo như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1. Kế hoạch đầu tư XD CB	Triệu đồng	-	-	-
1. Vốn điều lệ	Triệu đồng	20.700	20.700	20.700
2. Tổng số lao động	Người	146	150	160
3. Tổng quỹ lương	Triệu đồng	5.260	5.760	6.720
4. Thu nhập bình quân	Triệu/người/tháng	3	3.2	3.5
5. Tổng doanh thu	Triệu đồng	32.727	36.364	40.909
6. Tổng chi phí	Triệu đồng	31.947	35.064	39.349
7. Lợi nhuận thực hiện	Triệu đồng	780	1.300	1.560
8. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	585	975	1.170
9. Tỷ lệ cổ tức	%	2,3	3,8	4,5

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty

3.2 Các giải pháp để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

Để thực hiện kế hoạch doanh thu lợi nhuận như đã nêu trên Công ty cần tiến hành đồng bộ và triệt để các công việc sau:

a. Giải pháp về vốn

Căn cứ vào kế hoạch SXKD Công ty trên các lĩnh vực hoạt động để đưa ra các giải pháp về huy động vốn như sau:

- + Chỉ thi công các công trình có nguồn vốn rõ ràng;
- + Tập trung đẩy nhanh tiến độ để nghiệm thu, thanh toán;
- + Tập trung thu hồi công nợ, nợ đọng;

- + Vay vốn của các Ngân hàng;
- + Vay vốn của các tổ chức và cá nhân với mức lãi suất phù hợp.
- Quản lý vốn:
 - + Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, nhằm tận dụng tối đa tiền vốn hiện có;
 - + Đầu tư vốn có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh vòng quay của đồng vốn;
 - + Tăng cường công tác thu hồi các khoản tiền vốn đang bị chiếm dụng để giảm bớt các nguồn vốn vay: Thành lập tổ thu hồi công nợ do 1 Phó giám đốc, Kế toán trưởng trực tiếp chỉ đạo. Bộ phận này phải lập kế hoạch, đưa ra các giải pháp cụ thể cho việc thu hồi từng khoản nợ của các đối tượng. Đảm bảo thu hồi nhanh nhất các khoản nợ, nhất là các khoản nợ dây dưa kéo dài. Có chế tài thích hợp để bộ phận thu hồi công nợ hoạt động có hiệu quả.

b. Giải pháp về nguyên vật liệu

- Xây dựng định mức nguyên vật liệu sát thực tế; căn cứ vào hồ sơ thiết kế, định mức tiêu hao từng loại nguyên vật liệu để cấp đủ, cấp đúng chủng loại vật liệu cho từng công trình, hạng mục công trình. Lập kế hoạch cụ thể về số lượng, chủng loại, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại nguyên vật liệu cho từng công trình, sản phẩm để chủ động về nguồn cung ứng, tránh thụ động làm ách tắc sản xuất.
- Lựa chọn nguồn cung ứng nguyên vật liệu có chất lượng tốt, giá cả hợp lý.
- Lập kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu hợp lý để đảm bảo đầy đủ nguyên vật liệu cho sản xuất nhưng không làm ứ đọng vốn.

c. Giải pháp về nâng cao năng lực về thiết bị, công nghệ, cơ sở nhà đất

- Tập trung khắc phục sửa chữa những thiết bị hiện có, rà soát lại các thiết bị không sử dụng tiến hành thanh lý để thu hồi vốn, đầu tư công nghệ tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ môi trường để đảm nhận thi công được các dự án trúng thầu hoặc được giao.
- Rà soát nguồn lực hiện có, xây dựng phương án quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả, phát huy được tối đa tất cả các nguồn lực hiện có.
- Tích cực triển khai nghiên cứu ứng dụng, đầu tư cho đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, từng bước nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn môi trường; thay thế dần các thiết bị, công nghệ tiêu tốn nhiều năng lượng, nguyên liệu để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm; tiếp cận nhanh công nghệ và kỹ thuật xây dựng tiên tiến, tăng cường hiệu quả kinh doanh, phát triển bền vững.
- Quản lý thiết bị: Thiết bị điều động phải phù hợp với phương án thi công công trình. Thiết bị giao cho thợ vận hành có trình độ kỹ thuật được đào tạo, bảo quản và sử dụng thiết bị tốt. Thiết bị được bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng định kỳ qui định.
- Có phương án sử dụng hợp lý, hiệu quả các cơ sở nhà đất công ty quản lý.

d. Giải pháp về tổ chức, quản lý, điều hành

- Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất của Công ty đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả; tính toán phương án thi công tối ưu nhất để vừa tiết kiệm vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ năng lực, chuyên môn hoá cao nhằm phát huy tối đa tính chủ động sáng tạo của các bộ phận, cá nhân:
- Căn cứ quy mô, điều kiện thực tế của dự án thi công để thành lập Ban chỉ đạo để chỉ đạo, điều hành dự án.
- Các đơn vị sản xuất trực tiếp có nhiệm vụ: Trực tiếp sản xuất, thi công các công trình theo kế hoạch, tiến độ đã đề ra; Trực tiếp quản lý và sử dụng các nguồn lực: Máy móc thiết bị, nguyên nhiên vật liệu, lao động vào tổ chức thi công một cách hiệu quả nhất.
- Thực hiện quyết liệt công tác khoán và quyết toán khoán trên các công trình và hạng mục công trình trên cơ sở gắn trách nhiệm của cán bộ phụ trách, giữa tiền thu nhập của người lao động và giá trị sản lượng làm ra.
- Phát huy tính chủ động sáng tạo của cấp đội trong điều hành sản xuất với phương châm thi công nhanh, an toàn và hiệu quả. Hoàn thành sớm các thủ tục, hồ sơ thanh toán và hồ sơ hoàn công gửi Chủ đầu tư.
- Nâng cao năng lực của các Hạt Quản lý đường bộ trong công tác sửa chữa, bảo trì đường bộ và phòng chống, khắc phục hậu quả bão lụt.
- Xây dựng và hoàn chỉnh dần, duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO từ công ty đến đội sản xuất.
- Xây dựng và ban hành hệ thống quy chế, quy định về tổ chức quản lý và tổ chức thực hiện có hiệu quả.
- Hàng năm, Công ty có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, tay nghề cho CBCNV, có hướng quy hoạch cán bộ lâu dài, đội ngũ kế cận và có kế hoạch tiếp nhận tuyển dụng kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, công nhân chuyên ngành.
- Phát động phong trào thi đua thường xuyên, hàng quý, hàng tháng trên các công trình trọng điểm, các giai đoạn cần thiết, thi đua hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng.

e. Giải pháp về nâng cao năng lực công tác quản lý, duy tu sửa chữa thường xuyên đường bộ

- Từng bước chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ công nhân viên làm công tác sửa chữa bảo trì đường bộ.
- Đầu tư các loại thiết bị phục vụ công tác quản lý đường bộ, các phần mềm quản lý cầu, đường... từng bước áp dụng các công nghệ tiên tiến vào công tác quản lý cầu đường bộ.

- Tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình SCTX do các đơn vị trực thuộc thực hiện, quán triệt các yêu cầu cụ thể đối với từng hạng mục thi công để cán bộ giám sát chỉ đạo đơn vị thực hiện đúng quy trình.
- Tổ chức tập huấn cho đội ngũ Hạt trưởng, tuần đường về công tác quản lý hành lang đường bộ, trang bị kiến thức để tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về công tác quản lý hành lang đường bộ.

f. Giải pháp về lao động tiền lương

- Về chính sách lao động:
 - ✓ Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;
 - ✓ Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: Gửi đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước;
 - ✓ Tổ chức đào tạo, nâng cao tay nghề của đội ngũ công nhân kỹ thuật bằng các hình thức như: Đào tạo tại chỗ và gửi đi học các trường đào tạo nghề;
 - ✓ Xây dựng tiêu chuẩn viên chức chuyên môn nghiệp vụ gắn liền với các chức danh để tuyển dụng và bố trí cán bộ;
 - ✓ Đưa ra các chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao; Công nhân kỹ thuật có trình độ lành nghề;
 - ✓ Rà soát nguồn nhân lực hiện có, sắp xếp lao động hợp lý, có kế hoạch tuyển dụng lao động có tay nghề để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tới.
- Về chính sách tiền lương:
 - ✓ Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý;
 - ✓ Đối với lao động trực tiếp: Khoán tiền lương theo từng đơn vị sản phẩm, hạng mục công việc đến từng tổ đội sản xuất và người lao động;
 - ✓ Đối với lao động gián tiếp: Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người; Khoán mức lương cụ thể cho từng phòng ban theo nhiệm vụ được giao;
 - ✓ Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty;
 - ✓ Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động: Trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ tiền lương, tiền phép...

g. Giải pháp về tìm kiếm việc làm

Công tác tìm kiếm việc làm được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức sản xuất và đề ra các giải pháp cụ thể như:

- Tập trung tìm kiếm các công trình có nguồn vốn đầu tư rõ ràng.
- Xác định công tác Sửa chữa bảo trì đường bộ là nhiệm vụ chính, trọng tâm, đầu tư phát triển công tác xây dựng cơ sở hạ tầng đường bộ một cách hợp lý.
- Nâng cao năng lực đấu thầu và năng lực cho cán bộ làm công tác đấu thầu.
- Tích cực, chủ động phát huy hiệu quả mô hình công ty mẹ, công ty con.
- Tiếp tục củng cố và giữ vững các thị trường, địa bàn đã có và mở rộng các địa bàn trong cả nước.
- Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm việc làm.

h. Giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể

- Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa đảng ủy, Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành.
- Đảng bộ Công ty thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản Trị, Giám đốc điều hành đưa ra các đường lối, chủ trương, các biện pháp, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ Đảng viên, người lao động thực hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- Xây dựng đảng và các tổ chức chính trị phát triển vững mạnh.
- Tăng cường giáo dục đội ngũ cán bộ CNV phát huy truyền thống hơn 40 năm phát triển và trưởng thành của Công ty để đưa Công ty ngày càng phát triển một cách vững chắc.
- Các Đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản Trị, Giám đốc điều hành đưa ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đề ra; động viên tinh thần đối với người lao động thuộc tổ chức mình để họ phấn khởi yên tâm thi đua lao động sản xuất.
- Phát động các phong trào thi đua trên các công trường nhằm động viên các bộ phận đơn vị hoàn thành nhiệm vụ; Khen thưởng kịp thời về vật chất và tinh thần cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
- Có các giải pháp thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong công ty cổ phần.
- Quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động bằng cách thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào: Thể dục thể thao, văn hoá, văn nghệ ...

i. Giải pháp về tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí

Tiết kiệm chống tham nhũng, lãng phí là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đã đề ra:

- Tuyên truyền, giáo dục, học tập luật phòng chống tham nhũng, lãng phí theo đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước cho cán bộ, người lao động trong toàn Công ty.
- Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quá trình sản xuất, tiêu dùng.
- Có chế độ khen thưởng xứng đáng cho những tập thể cá nhân có thành tích trong tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.
- Đề ra các biện pháp chống tham nhũng, lãng phí như: Thực hiện kê khai tài sản đối với cán bộ Đảng viên theo đường lối của Đảng và Pháp luật của Nhà nước; Giám sát việc kê khai tài sản của các đối tượng kê khai; đưa ra các quy chế quản lý tài chính, vật tư thiết bị, thanh toán tiền lương vv... và giám sát việc thực hiện các quy chế.
- Thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung hoàn chỉnh bộ định mức giao khoán các đơn vị nội bộ.

4. Chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

4.1 Chiến lược phát triển

- Xây dựng Công ty cổ phần phát triển vững mạnh trong các lĩnh vực: Xây dựng cơ sở hạ tầng công trình giao thông và quản lý bảo trì đường bộ.
- Xây dựng công ty phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo đời sống cho người lao động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước.

4.2 Mục tiêu

- + Tăng trưởng chung lớn hơn hoặc bằng 10% so với năm trước.
- + Doanh thu đạt từ 85% – 95% sản lượng.
- + Thu nhập bình quân của người lao động hàng năm tăng từ 10%. Riêng năm 2014 phấn đấu thu nhập trên 3 triệu đồng/người/tháng.
- + Trả cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ từ 2% trở lên.
- + Đầu tư, mua sắm thiết bị đổi mới công nghệ mỗi năm từ đảm bảo yêu cầu sản xuất kinh doanh.
- + Bảo đảm 100% các công trình đạt chất lượng, tiến độ, an toàn.
- + Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng 100% yêu cầu về kỹ thuật và công nghệ.

5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần

❖ Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ: 20.700.000.000 đồng
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/1 cổ phần

– Số lượng cổ phần: 2.070.000 cổ phần

❖ **Cơ cấu cổ đông**

Stt	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)		Tỷ lệ vốn góp (%)
		Số cổ phần	Giá trị (VNĐ)	
1	Cổ phần nhà nước	1.495.350	14.953.500.000	72,24
2	Cán bộ công nhân viên	160.650	1.606.500.000	7,76
3	Các nhà đầu tư qua đấu giá	414.000	4.140.000.000	20
	Tổng cộng	2.070.000	20.700.000.000	100

❖ **Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần:**

Trong giai đoạn 2013 – 2015, Công ty dự kiến vốn điều lệ là 20,7 tỷ đồng, tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thực tế kinh doanh của Công ty, các biến động về vốn lưu động, Công ty sẽ xây dựng kế hoạch huy động vốn cụ thể, linh hoạt theo từng kỳ kinh doanh của Công ty.

VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Phương thức bán

❖ **Đối với người lao động**

Hình thức sau:

- Số cổ phần CBCNV trong Công ty mua theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ được tính là 100 cổ phần cho 1 năm làm việc trong khu vực nhà nước, giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.
- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là: 146 người.
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần ưu đãi theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước: 144 người.
- Tổng số CBCNV không được mua cổ phần ưu đãi: 02 người (do không đủ thời gian công tác 1 năm).
- Tổng số năm công tác của toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần ưu đãi tính theo thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 1606,5 năm.
- Tổng số cổ phần ưu CBCNV, NLĐ trong doanh nghiệp đăng ký mua là: 160.650 CP.

- Danh sách CBCNV mua cổ phiếu theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước.
- Tổng số cổ phần CBCNV mua theo quy định của hình thức này là 160.650 cổ phần tương đương với số tiền dự kiến là 1.606.500.000 đồng chiếm 7,76% vốn điều lệ công ty cổ phần.

❖ **Đối với cổ phần thực hiện đấu giá công khai**

Tổng số cổ phần thực hiện bán đấu giá ra bên ngoài như sau :

- Tổ chức bán đấu giá 414.000 cổ phần, tương đương với số tiền dự kiến là 4.140.000.000 đồng cho các nhà đầu tư bên ngoài, chiếm 20% vốn điều lệ công ty cổ phần.
- Giá khởi điểm dự kiến là 10.000 đồng/cổ phần.
- Thời gian bán đấu giá: theo “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng” Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 240” do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội ban hành.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư là tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với cổ phần bán đấu giá công khai: phương thức và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần được quy định cụ thể trong “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 240” do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội ban hành.
- Đối với cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên: do Ban Chỉ đạo cổ phần hoá quy định.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HOÁ

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá đấu bình quân là 10.000 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:

TT	Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước		Số tiền
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(a)	20.700.000.000
2	Vốn Nhà nước thực tế tại Doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	(b)	20.674.066.591

3	Tiền thu từ cổ phần hoá	(c)	5.103.900.000
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV Theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước		963.900.000
3.2	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài		4.140.000.000
4	Giá trị mệnh giá cổ phần đã bán cho CBNV, bán đấu giá ra bên ngoài	(d)	5.746.500.000
5	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại Doanh nghiệp	(e) = (a) - (b)	25.933.409
6	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	(f)	300.000.000
7	Phần thặng dư vốn để lại Doanh nghiệp tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/Vốn điều lệ	(h)=[(c)-(d)-(f)] x [(e)/(a)]	1.180.891
8	Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách	(c) – (e) – (f)	4.777.966.591

Số tiền thu được từ cổ phần hóa doanh nghiệp sẽ sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa theo chế độ nhà nước quy định. Phần còn lại nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1.

IX. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Rủi ro về nền kinh tế

Với đặc thù chuyên cung cấp các sản phẩm thi công trong lĩnh vực xây dựng mà nổi bật là xây dựng và thi công các công trình đường giao thông, hoạt động kinh doanh của Công ty đã, đang và sẽ chịu ảnh hưởng nhất định trước những biến động thay đổi theo chu kỳ của nền kinh tế. Kinh tế càng phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định, sức mua gia tăng sẽ kéo theo nhu cầu xây dựng hạ tầng, nhà xưởng, đường giao thông và trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh ngày càng nhiều, qua đó đẩy mạnh cầu về sản phẩm thi công công trình, đem lại cơ hội phát triển và gia tăng doanh thu, thị phần tiêu thụ cho Công ty. Ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng, vô hình chung sẽ tác động ngược lại đến sự phát triển của ngành xây dựng nói chung và của Công ty nói riêng.

1.1 Rủi ro tăng trưởng và lạm phát

Việt Nam là nước có nền kinh tế đang trong giai đoạn phát triển. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong giai đoạn 2002-2007 duy trì ở mức 7,9%/năm. Tuy nhiên, từ năm 2008 đến nay, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới nói chung và tình hình lạm phát nói riêng ở Việt Nam đã ở mức báo động.

Trước bối cảnh kinh tế thế giới suy giảm khó lường, Việt Nam đã có chủ trương đúng về tập trung cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm tăng trưởng hợp lý. Nhờ các chủ trương đúng đắn này và sự chỉ đạo kiên quyết của lãnh đạo cấp cao, lãnh đạo các ngành, địa phương tình trạng lạm phát được đánh giá đã được kiểm soát, giảm khá đều đặn từ 23% thời điểm tháng 8/2011 còn 5% thời điểm tháng 8/2012.

Bước sang năm 2013, tiếp tục thực hiện các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, điều chỉnh giảm lãi suất, đẩy nhanh tiến trình xử lý nợ xấu, sớm đưa VAMC – công ty mua bán nợ đi vào hoạt động, chủ động đưa ra các gói hỗ trợ lãi suất để hỗ trợ khu vực xây dựng và thị trường bất động sản. Mặc dù các điều kiện về tài chính toàn cầu đã và đang được cải thiện nhưng nhìn chung chưa phục hồi, tăng trưởng chậm và vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất lợi nên 6 tháng đầu năm 2013, kinh tế Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn. GDP 6 tháng đầu năm 2013 ước tăng 4,9% so với cùng kỳ 2012. Tốc độ tăng GDP 6 tháng đầu năm 2013 xấp xỉ mức tăng cùng kỳ 2012 (4,93%) nhưng thấp hơn nhiều mức tăng 6,22% của cùng kỳ 2010 và mức tăng 5,92% của cùng kỳ 2011. Theo đánh giá của một số chuyên gia kinh tế, mục tiêu tăng trưởng GDP 5,5% mà Việt Nam đặt ra là một thách thức lớn và khó hoàn thành.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2013 tăng 0,05% so với tháng trước. Lạm phát 6 tháng đầu năm nhìn chung không có biến động lớn. Riêng chỉ số giá mặt hàng lương thực và thực phẩm chỉ tăng vào 2 tháng đầu năm, các tháng sau có chỉ số giá giảm. CPI tháng 6/2013 tăng 2,4% so với tháng 12/2012 và tăng 6,69% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm nay tăng 6,73% so với cùng kỳ năm 2012.

1.2 *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong 6 tháng năm 2013, lãi suất huy động và cho vay đều ở xu hướng giảm mạnh, Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã có 3 lần điều chỉnh giảm lãi suất, ngày 26/3 giảm 1% các lãi suất chủ chốt, ngày 10/5 giảm tiếp 1% các lãi suất chủ chốt. Lãi suất huy động liên tục giảm do tín dụng tăng yếu, ngân hàng thừa vốn. Đến cuối tháng 6, lãi suất huy động kỳ hạn ngắn dao động từ 5% - 7%/năm, lãi suất kỳ hạn dài từ 7,1% - 10%/năm đang tạm thời giải quyết áp lực về chi phí sử dụng vốn cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, để tạo điều kiện các doanh nghiệp hoạt động ổn định, lãi suất cho vay cũng cần phải được ổn định lâu dài như hiện nay.

Như vậy, trong một nền kinh tế chung chưa phục hồi, tăng trưởng chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp.

2. Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây nên không ít khó khăn cho cả cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện.

Hoạt động của Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp và chịu sự điều tiết của các văn bản pháp luật liên quan, do vậy những thay đổi về môi trường pháp luật sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới đang từng bước xây dựng và hoàn chỉnh nên Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo công tác hạch toán theo đúng pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù

❖ *Rủi ro hoạt động*

Đặc thù hoạt động của Công ty là thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần, song song với đó là việc giải ngân thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, có nhiều dự án, công trình xây dựng mà chủ đầu tư lập dự toán còn thiếu tương xứng với nguồn vốn đầu tư dẫn tới thời gian thi công bị kéo dài, điều đó càng làm chậm tiến độ giải ngân, thanh quyết toán của các công trình, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty, đôi khi phản ánh không đúng hiệu quả kinh doanh cũng như kết quả doanh thu, lợi nhuận của Công ty giữa các quý hoạt động cũng như trong năm tài chính.

Để khắc phục rủi ro này Công ty thực hiện biện pháp tập trung đẩy nhanh tiến độ công trình, tăng cường công tác nghiệm thu thanh toán thu hồi vốn, thi công đến đâu nghiệm thu ngay đến đó.

❖ *Rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào*

Với đặc thù của một đơn vị xây lắp, chi phí nguyên vật liệu của Công ty chiếm tỷ lệ lớn trong tổng chi phí. Bên cạnh đó công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng, để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Tuy nhiên, nguồn nguyên nhiên vật liệu hiện nay Công ty sử dụng chịu khá nhiều ảnh hưởng của sự biến động của giá cả nhiên liệu trong nước và thế giới, giá cả các loại vật liệu xây dựng như nhựa đường, xi măng, sắt thép, vật liệu nổ, giá xăng dầu, ... đều có xu hướng ngày càng tăng do đó tác động không nhỏ đến tình hình và kết quả kinh doanh của Công ty. Xác định được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm tạo sự ổn định cho nguồn nguyên nhiên vật liệu như việc ký kết các hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động, ký các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu dài hạn và tạo dựng mối quan hệ làm ăn uy tín, bền vững với các nhà cung cấp, nhằm hạn chế tối đa rủi ro này.

❖ **Rủi ro về thị trường và cạnh tranh:**

Thị trường xây dựng phụ thuộc nhiều vào kế hoạch đầu tư, khối lượng và tiến độ thi công các công trình, trong khi đó số lượng doanh nghiệp tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này ngày càng nhiều đem lại sự cạnh tranh gay gắt trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Cạnh tranh một mặt không thể tránh khỏi áp lực phải hạ giá thi công, doanh số và lợi nhuận, mặt khác lại đòi hỏi các doanh nghiệp xây dựng phải có giải pháp hợp lý để tiếp cận thị trường, duy trì và gia tăng thị phần tiêu thụ nhưng đồng thời vẫn phải đảm bảo được chất lượng và tiến độ bàn giao thành phẩm.

❖ **Rủi ro về mặt kỹ thuật:**

Lĩnh vực xây dựng đòi hỏi phải có hệ thống thiết bị kỹ thuật và máy móc thi công phù hợp và đảm bảo, với sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học kỹ thuật thì sự lỗi thời là khó tránh khỏi, đòi hỏi Công ty phải có chế độ khấu hao và kế hoạch mua sắm máy móc trang thiết bị hợp lý nhằm giảm thiểu giá thành nhưng vẫn đảm bảo hệ thống kỹ thuật phục vụ thi công xây dựng.

❖ **Rủi ro về lãi suất và khả năng thanh toán:**

Rủi ro này xuất phát từ đặc thù của ngành xây dựng đó là các dự án thi công thường có thời hạn tương đối dài trong khi vốn đầu tư lớn, nguồn vốn ứ đọng tại các công trình nhiều, các khoản phải thu khách hàng chưa thu hồi được ngay do đó Công ty phải huy động vốn từ các nguồn bên ngoài, nợ phải trả thường xuyên chiếm tỷ trọng cao. Vay nợ, đặc biệt là các khoản nợ dài hạn ngân hàng, Công ty phải trả chi phí lãi vay nên sẽ không thể tránh khỏi rủi ro về lãi suất và rủi ro về khả năng thanh toán khi không thu hồi kịp thời các khoản nợ từ khách hàng. Để khắc phục những tồn tại trên Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp bước đầu mang lại hiệu quả như: kiểm soát chặt chẽ các khoản công nợ phải thu và thực hiện việc tái cấu trúc nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng nguồn vốn dài hạn trong tổng nguồn vốn của Công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Quan hệ cung cầu của thị trường ảnh hưởng rất lớn đến giá cổ phiếu mà mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào yếu tố mang tính kinh tế và cả yếu tố tâm lý của nhà đầu tư vì vậy có thể xảy ra khả năng không phân phối hết số lượng cổ phần chào bán đấu giá.

5. Các rủi ro khác

Theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, khoản phát sinh chênh lệch giảm giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chuyển sang công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (đối với Công ty là ngày 31/12/2012) thì xử lý như sau:

a) Nếu do nguyên nhân khách quan:

Nếu do nguyên nhân khách quan (do thiên tai; dịch họa; do Nhà nước thay đổi chính sách hoặc do biến động của thị trường quốc tế và các nguyên nhân bất khả kháng khác) doanh nghiệp báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa xem xét, quyết

định việc sử dụng tiền thu từ bán cổ phần để bù đắp tổn thất sau khi trừ đi bồi thường của bảo hiểm (nếu có). Trường hợp tiền thu từ bán cổ phần không đủ bù đắp, cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa xem xét thông qua Đại hội đồng cổ đông để điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần.

b) Nếu do nguyên nhân chủ quan:

- Nếu lỗi do việc không xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp thì phải xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan có liên quan: doanh nghiệp, tổ chức tư vấn định giá và cơ quan quyết định cổ phần hóa để xử lý bồi thường vật chất;
- Nếu lỗi do điều hành sản xuất, kinh doanh thì các cán bộ quản lý doanh nghiệp đó có trách nhiệm bồi thường toàn bộ tổn thất do chủ quan gây ra theo quy định hiện hành;
- Trường hợp vì lý do bất khả kháng mà người có trách nhiệm bồi thường không có khả năng thực hiện việc bồi thường theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì phần tổn thất còn lại được xử lý như trường hợp do nguyên nhân khách quan theo quy định tại mục a nói trên.

Ngoài ra còn có các rủi ro khác như thiên tai, bệnh dịch, chiến tranh, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động của Công ty.

X. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra ngoài công chúng của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Đầu tư Xây dựng 240, được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư có thể tự đánh giá về tài sản, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng của Công ty trong tương lai. Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cung cấp đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần của Công ty.

Hà Nội, ngày tháng 09 năm 2013

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TRƯỞNG BAN**

PHẠM DŨNG

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG
TRÌNH GIAO THÔNG 240
GIÁM ĐỐC**

TRẦN ĐÌNH TRỌNG

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

VŨ ĐỨC TIẾN